

Cơ hội và thách thức của kinh tế Việt Nam sau đại dịch COVID-19

Hồ Đức Nghĩa

Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

Tác động của dịch bệnh COVID-19 đang đặt trật tự kinh tế thế giới vào một sự thay đổi với nhiều cơ hội và cũng không kém phần thách thức. Với Việt Nam ta, trước những thành công bước đầu của việc phòng chống dịch COVID-19 hiệu quả, đây sẽ là cơ hội để nước ta đa dạng hóa nguồn cung và tham gia chuỗi giá trị với trình độ cao hơn. Thực tế cho thấy, đại dịch COVID-19 đã khiến cho cả thế giới bị đảo lộn, nhiều chuyên gia kinh tế dự báo rằng, sau đại dịch, chuỗi cung ứng toàn cầu sẽ được sắp xếp lại. Điều này sẽ đem đến những cơ hội mới cho các thị trường năng động mới nổi và Việt Nam cũng nằm trong số đó.

1. Thế giới "chao đảo" vì COVID-19

Tăng trưởng kinh tế suy giảm tại nhiều nền kinh tế trong Quý I/2020 do ảnh hưởng từ dịch bệnh. Giá dầu giảm do việc không đạt được thỏa thuận về cắt giảm sản lượng giữa OPEC và Nga (price war) cũng ảnh hưởng từ đại dịch lan rộng trên toàn cầu.

Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR), các quốc gia trên thế giới đều có các chính sách riêng để hỗ trợ nền kinh tế, cố gắng chống lại ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19.

Các dự báo tăng trưởng kinh tế của các tổ chức lớn trên thế giới có vẻ như chưa cập nhật hết tình hình hiện tại. IMF gần đây cảnh báo rằng kinh tế thế giới có thể rơi vào suy thoái trong năm 2020 trước khi phục hồi vào năm 2021.

Riêng về kinh tế Mỹ, các chỉ báo về sản xuất và dịch vụ đều sụt giảm mạnh vào cuối Quý I/2020, tỷ lệ thất nghiệp (đã điều chỉnh mùa vụ) tăng mạnh lên mức 4.4% trong tháng Ba. 17 triệu việc làm đã bị cắt giảm trong 3 tuần gần đây nhất. Nhằm chống lại ảnh hưởng từ dịch bệnh: Fed hạ lãi suất xuống mức 0-0.25% đồng thời cam kết sẽ mua ít nhất 500 tỉ USD trái phiếu kho bạc và ít nhất 200 tỉ USD chứng khoán có đảm bảo bằng tài sản thế chấp trong những tháng tới. Bản thân Chính phủ Mỹ tung ra gói cứu trợ trị giá 2000 tỷ USD để hỗ trợ, cứu trợ chống dịch COVID-19 và bảo đảm an ninh kinh tế.

Về phía các nước châu Âu, lo ngại trước sự bùng phát của Coronavirus dẫn đến một cuộc khủng hoảng nhân đạo, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã mạnh tay chi thêm 120 tỷ Euro vào chương trình mua tài sản (APP) và bổ sung thêm chương trình mua phiếu cấp đại dịch (PEPP) trị giá 750 tỷ Euro. Kinh tế Anh suy giảm tăng trưởng trong Quý 4/2019 dừng ở mức 1.06% do tăng trưởng tiêu dùng không đổi, tổng vốn cố định giảm mạnh, tăng trưởng ngành xây dựng giảm.

Nhằm ứng phó với dịch bệnh, Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) đã cắt giảm lãi suất xuống mức 0,1% đồng thời tiếp tục thực hiện chương trình mua trái phiếu chính phủ Anh và trái phiếu doanh nghiệp cấp đầu tư phi tài chính trị giá 645 tỷ bảng Anh.

Kinh tế Nhật Bản, tăng trưởng Quý IV/2019 đạt âm 0,69% do tiêu dùng cá nhân giảm, đầu tư công và chi tiêu tư nhân giảm. Chỉ số sản xuất công nghiệp ở mức 100,2 trong tháng Hai. Lạm phát toàn phần giảm xuống còn 0,4% trong tháng Hai còn lạm phát lõi ở mức 0,2%. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản buộc phải nới lỏng chính sách tiền tệ ứng phó được sự bùng phát của COVID-19 tại Nhật Bản. Chỉ số PMI giảm mạnh chỉ còn 35,7 điểm trong tháng Hai và kết thúc ở 52 điểm trong tháng Ba.

Với nền kinh tế Trung Quốc, tỷ giá CNY/USD biến động mạnh trong Quý I theo chiều hướng tăng, đạt mức cao nhất 7,1 CNY/USD vào cuối tháng Ba. Trong hai tháng đầu năm, Trung Quốc đã chi khoảng 16,4 tỷ USD dưới dạng các gói kích thích kinh tế cùng với 112,5 tỷ USD dưới hình thức cắt giảm thuế, phí để vực dậy nền kinh tế. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) chi 162 tỷ USD để hỗ trợ các doanh nghiệp.

Còn đối với kinh tế các nước BRICS, chúng kiến tăng trưởng kinh tế thấp trong Quý IV/2019. Để đối phó với dịch COVID-19 cùng ảnh hưởng của dịch bệnh lên nền kinh tế, chính phủ Ấn Độ đã tung gói cứu trợ trị giá 2,1 tỷ USD cho khu vực y tế; công bố kế hoạch chi tiêu trị giá 22,5 tỷ USD để giúp người nghèo đối phó với dịch bệnh; gia hạn thời hạn đóng thuế thu nhập. Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) năm 2019 cho đến 30/6 cho các doanh nghiệp. Ngân hàng Trung ương đã thông qua các ngân hàng thương mại để bơm vào thị trường khoảng 9 - 10 tỷ USD. Tăng trưởng kinh tế thấp, tình trạng nợ công và ngân sách ngày càng xấu đi cùng với tình hình kinh tế thế giới bất ổn như hiện nay có thể

kiến kinh tế Nam Phi rơi vào suy thoái.

Tăng trưởng kinh tế ASEAN-5 suy giảm trong Quý IV/2019. Chính phủ Indonesia tuyên bố sẽ chi tiêu thêm 24,8 tỷ USD để bảo vệ nền kinh tế năm 2020, chống lại ảnh hưởng từ đại dịch viêm đường hô hấp. Chính phủ Philippines tung gói hỗ trợ tài chính trị giá 526 triệu USD nhằm chống dịch và hỗ trợ người lao động, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, lĩnh vực du lịch. Bộ tài chính Thái Lan đã tung ra gói cứu trợ khẩn cấp trị giá 3,17 tỷ USD nhằm hỗ trợ người lao động thu nhập thấp và người nghèo. Hiệp hội Ngân hàng Thái Lan đã thông qua quỹ ổn định trái phiếu doanh nghiệp (SBSF) trị giá khoảng 3,2 tỷ USD để giúp các doanh nghiệp không còn khả năng đảo nợ các khoản nợ trái phiếu đã đến hạn. Chính phủ Malaysia đã tung ra ba gói kích thích kinh tế với tổng trị giá 65 tỷ đô la Mỹ để chống lại ảnh hưởng bởi dịch COVID-19.

2. Việt Nam cần thận trọng, linh hoạt trong điều hành kinh tế sau đại dịch

Trong bất kỳ kịch bản nào, trong thời kỳ hậu COVID-19 ở Việt Nam, sự phục hồi hoàn toàn của nhiều ngành như hàng không, du lịch hay thời trang xuất khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn và kéo dài cho tới khi thế giới hoàn toàn kiểm soát được bệnh dịch.

Trong ngắn hạn, chủ tiêu của khu vực công có thể bù đắp được những khó khăn trên nhưng trong dài hạn là không thể. Do vậy, triển vọng kinh tế Việt Nam những năm sau phụ thuộc nhiều vào việc phát triển thành công vắc-xin hoặc thuốc đặc trị trên thế giới.

Còn số tăng trưởng GDP không phản ánh được hết những khó khăn thật của nền kinh tế do không phản ánh được đầy đủ khu vực phi chính thức vốn bị ảnh hưởng nặng nề hơn hẳn so với những đợt suy thoái trước đây. Cần xây dựng các kịch bản ứng phó chính sách khác nhau đối với các cấp độ về bệnh dịch. Trong mọi hoàn cảnh phải tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp còn có khả năng hoạt động (có phương án thích ứng vừa sản xuất vừa phòng chống dịch bệnh; tránh ngân sách cấm chực đoạn ở một số địa phương; Ưu tiên thực hiện các chính sách an sinh xã hội; Chi trả BHYT, hỗ trợ người bị tạm thời ngưng việc. Trợ cấp cho người ngheo, cá nhân và hộ kinh doanh bị mất kế sinh nhai. Đối với nhóm DN bị ngưng hoạt động: Khoan/nghung các chi phí tài chính (Khoan/nợ/lãi, tiền thuê đất). Sau khi bệnh dịch qua đi, nếu còn hoạt động trở lại mới khuyến khích tín dụng. Chính sách gián hạn thậm chí là miễn các loại thuế không có tác dụng với nhóm DN này.

Đối với nhóm các DN bị ảnh hưởng nhưng còn hoạt động: Cần có tiêu chí phân loại mức độ chịu ảnh hưởng và hỗ trợ. Hoàn/miễn đóng BHXH, tiền thuê đất, lãi vay, giảm thu thuế VAT (không phải thuế TNDN); Lưu dài vốn vay nhưng phải đảm bảo phương án kinh doanh khả thi để tránh nợ xấu. Đối với nhóm các DN ít hoặc không bị ảnh hưởng, hoặc có hướng

chuyển đổi hiệu quả: Cần hết sức tạo điều kiện về môi trường thể chế và chính sách ngành (Đây là nhóm gánh đỡ cho cả nền kinh tế); Thúc đẩy đầu tư công đi kèm tiết kiệm chi thường xuyên; Đẩy nhanh thực hiện các dự án hạ tầng đã được phê duyệt; Cắt giảm/tiết kiệm chi thường xuyên tối thiểu 10%; Trong dài hạn, cần có những chính sách dài hơi hơn. Giữ nền tảng vĩ mô ổn định để chuẩn bị cho sự phục hồi sau bệnh dịch. Từng bước xây dựng đệm tài khóa để phòng chống những cú sốc kiểu COVID-19. Đa dạng hóa thị trường xuất/nhập khẩu (tránh phụ thuộc hoàn toàn vào EU, Mỹ, Nhật hay TQ)...

3. Cơ hội mới, vận hội mới

Hiện nay, với sự góp mặt của các tập đoàn đa quốc gia như Samsung, LG... Việt Nam trở thành điểm sản xuất chính trên thế giới và khu vực, kéo theo hàng trăm nhà cung cấp linh kiện đi cùng, đã giúp điện thoại trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực số một (chiếm khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam). Hàng năm, xuất khẩu điện thoại và linh kiện vào Mỹ khoảng 30% kim ngạch của mặt hàng này và tỷ lệ đó với châu Âu 26%.

Các mặt hàng công nghệ khác có góp sức của khối FDI, đã tăng nhanh và song tiếp cận các thị trường cao cấp. Dệt may vào Mỹ 45% và vào châu Âu 18%. Với da giày, các tỷ trọng đó là 36% và 27%. Ba lô và túi xách là 39% và 22%. Trong 5 thị trường xuất khẩu đó có lớn của Việt Nam, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc là 3 tên tuổi sẽ vào nhóm "bộ tứ kim cương".

Đối với các loại nông thủy sản, sau những bước thăm dò, thăm định chất lượng, xử lý công nghệ, nhiều loại rau quả của ta đã đặt chân vào các thị trường cao cấp này.

Trong khi đó, cá phê, hạt điều, hồ tiêu, chè của Việt Nam đang nỗ lực làm mới, nhất là nâng lực chế biến, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm để vững vàng đứng trong top hàng đầu thế giới về xuất khẩu. T.Những đóng góp đó đã khiến Mỹ tuy là khách hàng muộn, nhưng đã nhanh chóng tiếp quản vị trí số một về thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với 23% tổng kim ngạch xuất khẩu nước ta. Đứng thứ 2 là châu Âu 17,5%. Cả 2 thị trường này đều vượt xuất khẩu Việt Nam vào thị trường truyền thống Trung Quốc.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã ký nhiều hiệp định thương mại tự do đa phương, song phương với nhiều đối tác (FTAs). Cơ hội mở ra thị trường xuất khẩu của Việt Nam đã rõ ràng hơn. Ở chiều ngược lại, Việt Nam có thể nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng cao cấp, tiếp nhận chuyển giao công nghệ gốc, công nghệ nguồn cùng các nhà sáng chế, chuyên gia đầu ngành từ những nền kinh tế phát triển vào hợp tác, hỗ trợ phát triển, thay vì từng bị tiếp nhận công nghệ sao chép, lạc hậu từ các nước lân bang, đã và đang để lại những hệ lụy khó lường.

Xem tiếp trang 61